

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ - ST.

Ngày 23 - 7 - 2019.

V/v: “Tranh chấp kiện xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Trịnh Văn Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1957.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố ĐT, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt ông L, bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Văn L có quan điểm:

Ông và bà Bùi Thị Thu H đã đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam), sau thời gian hai bên tìm hiểu nhau được khoảng 01 tháng. Việc kết hôn cũng có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng ông chỉ chung sống được khoảng 01 năm thì sau đó do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn phải nợ nần nên ông đã đi vào Miền Nam tìm việc làm. Còn bà H thì vẫn ở nhà làm ruộng, nuôi con. Đến năm 1990, ông đã viết thư về cho bà H vào Miền Nam để vợ chồng chung sống nhưng chỉ được gần 01 tháng thì bà H bỏ về không chung sống với ông. Đến năm 1992, ông xét thấy vợ chồng không có cùng quan điểm sống, mỗi người ở một nơi, tương lai

không có kết quả gì nên ông đã về quê bảo bà H ly hôn, nhưng bà H không đồng ý vì bà H muốn có chỗ đi lại với bố mẹ ông. Thực tế, ông và bà H đã sống ly thân gần 30 năm nay và mỗi người ở một nơi không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cuối năm 2018, ông về ở tại địa phương nhưng ông và bà H không cùng chung sống mà mỗi người đều ở một nơi không quan tâm đến nhau. Do ông và bà H đã sống ly thân đã rất lâu và tình cảm dành cho nhau không còn. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị Thu H.

* Tại biên bản tự khai và hòa giải tại Tòa án, bị đơn bà Bùi Thị Thu H có quan điểm: Bà nhất trí với trình bày của ông L về thời gian, địa điểm, trình tự, thủ tục kết hôn cũng như thời gian chung sống, thời điểm sống ly thân. Còn về nguyên nhân chính mâu thuẫn của vợ chồng bà là do ông L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác chứ khi chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả. Mặc dù, bà và ông L đã sống ly thân gần 30 năm nay nên tình cảm không còn dành cho nhau nữa, nhưng bà vẫn muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông L để cho con bà vẫn còn có cội nguồn. Nay ông L xin ly hôn, bà không đồng ý.

- Về con chung: Ông L và bà H thống nhất có 01 con trai chung là Trịnh Phong L1, sinh ngày 10/4/1988. Hiện nay, con chung của ông bà đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông L và bà H thống nhất không có nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường LH: Tại biên bản làm việc ngày 20/6/2019, Ủy ban nhân dân phường LH đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông L, bà H ly hôn vì khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa ông L và bà H là không đạt được.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Nguyên đơn ông Trịnh Văn L vẫn giữ nguyên quan điểm, nguyện vọng như trước đó đã trình bày. Về hôn nhân: ông vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà Bùi Thị Thu H. Về con chung: ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Bùi Thị Thu H vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Về hôn nhân: bà vẫn không đồng ý ly hôn như nguyện vọng của ông L. Về con chung: bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trịnh Văn L. Xử lý hôn giữa ông Trịnh Văn L và bà Bùi Thị Thu H.

- Về con chung: ông L và bà H không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: ông L và bà H không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn L có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn bà Bùi Thị Thu H có nơi cư trú tại tổ dân phố ĐT, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn L và bà Bùi Thị Thu H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại UBND xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ khi ông L, bà H kết hôn đến nay đã hơn 30 năm nhưng ông bà chỉ chung sống được khoảng hơn 01 năm thì đã sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn cả hai ông bà đưa ra là hoàn toàn khác nhau nhưng việc ông bà không đồng cảm về cách sống, cách suy nghĩ là sự thật được hai ông bà thừa nhận. Tại phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay, Tòa

án và Hội đồng xét xử đã phân tích cho ông L nhưng ông L vẫn đề nghị được giải quyết ly hôn với bà H vì mối quan hệ hôn nhân với bà H đã không còn tồn tại từ rất lâu. Còn bà H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp gì để níu kéo cuộc hôn nhân của vợ chồng ông bà. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng ông L, bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trịnh Văn L là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông L, bà H thống nhất có 01 con chung là Trịnh Phong L1, sinh ngày 10/4/1988 (con trai), đến nay đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông, bà không đề nghị giải quyết,

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông L, bà H thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Ông Trịnh Văn L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 54; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa: Ông Trịnh Văn L và bà Bùi Thị Thu H.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trịnh Văn L phải nộp là 300.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002088 ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông L đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, ông L, bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuyên